

Số: /STC-VP *Quảng Trị, ngày tháng năm 2026*

V/v triển khai thực hiện một số nội dung liên quan Luật Bảo vệ bí mật nhà nước và Nghị định số 63/2026/NĐ-CP ngày 28/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ

Kính gửi: Các phòng, đơn vị thuộc Sở

Thực hiện Công văn số 1617/BCĐ-CAT-PA03 ngày 11 tháng 03 năm 2026 của Ban Chỉ đạo công tác bảo vệ bí mật nhà nước tỉnh Quảng Trị về việc triển khai một số nội dung mới của Nghị định số 63/2026/NĐ-CP ngày 28/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2025, Giám đốc Sở Tài chính yêu cầu các phòng, đơn vị thuộc Sở triển khai thực hiện một số nội dung sau:

1. Xây dựng Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước

- Căn cứ Điều 24 Luật bảo vệ bí mật nhà nước năm 2025 và điểm đ khoản 1 Điều 3 Nghị định số 63/2026/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ, các phòng, đơn vị rà soát, tham mưu xây dựng và ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước của cơ quan, đơn vị.

- Quy chế phải quy định rõ phạm vi áp dụng trong cơ quan, đơn vị; phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước

a) Sao tài liệu bí mật nhà nước

Việc sao tài liệu bí mật nhà nước được thực hiện theo quy định:

- Sao từ văn bản giấy sang văn bản giấy được thực hiện trên bản giấy (bao gồm bản gốc, bản chính, bản sao tài liệu bí mật nhà nước).

- Bản phát hành tài liệu bí mật nhà nước (đối với văn bản giấy) không phải là bản sao tài liệu bí mật nhà nước.

- Quá trình sao tài liệu phải thực hiện đúng thẩm quyền và thủ tục quy định tại Điều 11 Luật Bảo vệ Bí mật nhà nước năm 2025 và Điều 5 Nghị định số 63/2026/NĐ-CP.

- Trường hợp sao từ văn bản giấy sang văn bản điện tử thực hiện theo quy định tại số 15 Mục lục Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 63/2026/NĐ-CP.

b) Chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước

- Chỉ được chụp tài liệu bí mật nhà nước khi đã được người có thẩm quyền xác định độ mật và cho phép chụp.

- Việc chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước phải có văn bản ghi nhận việc chụp tài liệu theo mẫu quy định tại Mục II Phụ lục II kèm theo Nghị định số 63/2026/NĐ-CP.

3. Xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước

Căn cứ Điều 10 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước 2025, khi ban hành văn bản có nội dung bí mật nhà nước, người soạn thảo phải:

- Đề xuất độ mật của văn bản theo danh mục bí mật nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý (Không căn cứ vào văn bản mật đến để xác định độ mật tương ứng).

- Bảo đảm việc xác định bí mật nhà nước và độ mật đúng quy định.

- Tài liệu bí mật nhà nước (gồm bản gốc, bản chính, dự thảo văn bản) phải đóng dấu chỉ độ mật, dấu tài liệu bảo vệ bí mật nhà nước theo đúng quy định; thể hiện phạm vi lưu hành, số lượng tài liệu và thông tin người soạn thảo.

- Trường hợp người soạn thảo, tạo ra thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước đồng thời là người có thẩm quyền xác định bí mật nhà nước, độ mật của bí mật nhà nước thì người soạn thảo tạo ra thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước căn cứ danh mục để xác định bí mật nhà nước, độ mật của bí mật nhà nước.

4. Gửi, nhận văn bản điện tử bí mật nhà nước

a) Gửi tài liệu bí mật nhà nước

- Tài liệu là bản gốc, bản chính hoặc bản sao tài liệu bí mật nhà nước chỉ được số hóa và tạo lập bản điện tử khi được phép chụp bí mật nhà nước.

- Văn bản điện tử bí mật nhà nước (văn bản điện tử chưa có chữ ký của người có thẩm quyền) phải được ký số bởi người có thẩm quyền và ký số của cơ quan, tổ chức trước khi phát hành.

b) Nhận văn bản điện tử bí mật nhà nước

Văn bản điện tử bí mật nhà nước được gửi qua Hệ điều hành tác nghiệp mật, hoặc các mạng khác theo quy định pháp luật về cơ yếu và an toàn thông tin mạng. Khi in ra để giao, nhận phải đóng dấu “Bản in văn bản điện tử bí mật nhà nước” theo quy định và không phải thực hiện việc sao bí mật nhà nước.

Khi tiếp nhận văn bản điện tử bí mật nhà nước, phải thực hiện đăng ký, quản lý và lưu trữ theo chế độ quản lý tài liệu mật

5. Mẫu phiếu đề xuất độ mật và vị trí các thành phần trên tài liệu bí mật nhà nước

a) Mẫu phiếu đề xuất độ mật

Việc lập phiếu đề xuất độ mật được thực hiện theo Mục III, Phụ lục I của Nghị định số 63/2026/NĐ-CP (*Mẫu số 01 kèm theo*).

b) Vị trí các thành phần trên tài liệu bí mật nhà nước

Thực hiện theo Mục I, Phụ lục I của Nghị định số 63/2026/NĐ-CP. Trong đó, bỏ dấu “BẢN SỔ”, “BẢN SAO SỔ” tại mục “Nơi nhận”, bỏ cụm từ “Được phép hoặc không được phép sao chụp” (*tất cả tài liệu bí mật nhà nước dù Tuyệt mật đều được phép sao chụp khi đảm bảo về thẩm quyền sao, thủ tục sao*).

6. Tổ chức thực hiện

- Trưởng các phòng, đơn vị thuộc Sở chịu trách nhiệm tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc các nội dung trên.

- Văn phòng Sở có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn và tổng hợp tình hình thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc báo cáo Lãnh đạo Sở (qua Văn phòng) để xem xét, giải quyết.

Yêu cầu các phòng, đơn vị thuộc Sở nghiêm túc triển khai thực hiện/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Công an tỉnh;
- Lãnh đạo Sở (b/c);
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Thị Thương

MẪU SỐ 01

(Ban hành kèm theo Nghị định số 63/2026/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

.....(1)

.....(2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN XÁC ĐỊNH ĐỘ MẬT ĐỐI VỚI VẬT, ĐỊA ĐIỂM, LỜI NÓI, HOẠT ĐỘNG, HÌNH THỨC KHÁC CHỨA BÍ MẬT NHÀ NƯỚC

Tên gọi của vật, địa điểm, hoạt động, nội dung lời nói hoặc hình thức khác chứa bí mật nhà nước:

Cơ quan, tổ chức xác định:

Người đề xuất:

Độ mật (3):

Căn cứ xác định (4):

Ngày, tháng, năm xác định:

**Lãnh đạo cơ quan, tổ chức xác định
bí mật nhà nước**

(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Ghi chú: Mẫu này được áp dụng đối với vật, địa điểm, lời nói, hoạt động hoặc hình thức khác chứa bí mật nhà nước mà không thể đóng dấu độ mật.

(1) Tên cơ quan chủ quản.

(2) Tên cơ quan, tổ chức xác định bí mật nhà nước.

(3) Ghi theo độ mật của vật, địa điểm, hoạt động, nội dung lời nói hoặc hình thức khác chứa bí mật nhà nước. Trường hợp trong vật, địa điểm, hoạt động, nội dung lời nói chứa nhiều thông tin có độ mật khác nhau thì xác định theo độ mật cao nhất.

(4) Ghi rõ việc xác định độ mật căn cứ vào quy định tại điều, khoản, điểm nào của danh mục bí mật nhà nước cụ thể.

